

Bản án số: 163/2020/DSPT
Ngày: 11/6/2020
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản,
đòi tài sản, yêu cầu xem xét công sức làm dâu.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn

Các thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phan Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2019/DS-PT ngày 04 tháng 06 năm 2019 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản, đòi tài sản, yêu cầu xem xét công sức làm dâu”.

Do Bản án dân sự số 04/2018/DS-ST ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 569/2020/QĐPT ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1956;

1.2 Địa chỉ: tổ 3, ấp S, xã A, huyện Tr, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

1.2. Anh Ngô Trần Vĩnh L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu phố Th, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt – có đơn yêu cầu xử vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà D: Bà Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1974; Địa chỉ: đường N, Phường 11, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D: Luật sư Trần Gia M –

Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Ngô Thiệu S, sinh năm 1946;

Địa chỉ: đường H, Khu phố 2, Phường 2, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

2.2 Ông Ngô Thiệu Kh, sinh năm 1950;

Địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện G, tỉnh Tây Ninh.(Vắng mặt).

2.3. Ông Phạm Văn Đ (đã chết ngày 27-12-2015);

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ:*

- Bà Ngô Thị T, sinh năm 1943; Địa chỉ: khu phố Th, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh;(Vắng mặt)

- Anh Phạm Ngô Hoàng Ph, sinh năm 1964; Anh Phạm Ngô Hoàng C, sinh năm 1970; Chị Phạm Ngô Hồng S, sinh năm 1976; Địa chỉ: khu phố Th, thị trấn G, huyện G, Tây Ninh. (Vắng mặt)

- Anh Phạm Ngô Hoàng C1, sinh năm 1963; Địa chỉ: khu phố Th, thị trấn G, huyện G, Tây Ninh. (Vắng mặt)

- Chị Phạm Ngô Hoàng M, sinh năm 1972; Địa chỉ: đường Tr, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- Chị Phạm Ngô Hoàng S, sinh năm 1974; Địa chỉ: đường B, Phường 13, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- Chị Phạm Ngô Hoàng Y, sinh năm 1967; Địa chỉ: khu phố Th, thị trấn G, huyện G, Tây Ninh. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của anh Ph, anh C, chị Hồng S, anh C, chị M, chị Hoàng S: Chị Phạm Ngô Hoàng Y, sinh năm 1967;

Địa chỉ: khu phố Th, thị trấn G, huyện G, Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.1 Bà Ngô Tuyết H, sinh năm 1940; Địa chỉ: khu phố Th, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (Vắng mặt)

1.2 Bà Ngô Thị T, sinh năm 1943; Địa chỉ: khu phố Th, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (Vắng mặt)

1.3 Bà Ngô Oanh O, sinh năm 1948; Địa chỉ: khu phố Th, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (Vắng mặt)

Người đại diện theo hợp pháp của ông S, ông Kh, bà H, bà T, bà O: Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1969; Địa chỉ: đường C, khu phố H, phường H1, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

1.4 Ông Ngô Thiệu B, sinh năm 1952; Địa chỉ: S DR C S, CO. 80910, USA; (Vắng mặt)

1.5 Ông Ngô Thiếu Đ1, sinh năm 1942; Địa chỉ: R N L L.A 70131, USA; (Vắng mặt).

1.6 Bà Ngô Tuyết Tr. (Đã chết ngày 17/02/2017)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Tr:

- Chị Lê Ngọc B, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Chị Lê Ngọc M, sinh năm 1977; Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Anh Lê Quyết T (Đã chết năm 2002).

- Chị Nguyễn Thị B1, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp Th, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vợ anh T); Chị Lê Ngọc Ng, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp X, xã Th, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Con ông Tiến). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Huỳnh Thị Thu Tr1, sinh năm 1994.

- Chị Huỳnh Thị Thu Tr2, sinh năm 1997.

Cùng ngụ địa chỉ: ấp 5A, xã V, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Anh Huỳnh Văn T1, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp 5A, xã V, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của anh T1: Ông Huỳnh Văn L; Địa chỉ: ấp 5A, xã V, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh. - Là người đại diện theo pháp luật. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Trần Lê Thanh T, sinh năm 1974; Địa chỉ: nội ô thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Khuru Gia Ng, sinh năm 1974; Địa chỉ: nội ô thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của anh Ng: Chị Trần Lê Thanh T, sinh năm 1974; Địa chỉ: nội ô thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-11-2015 trong quá trình giải quyết vụ án của bà Trần Thị Ngọc D và anh Ngô Trần Vĩnh L khai và lời trình bày của người đại diện cho bà D anh L:

Cụ Ngô Văn Ch chết ngày 07-7-2007, cụ Vân Tuyết H chết ngày 17-7-1956 đều không để lại di chúc. Cụ Ch và cụ H có 09 người con: bà Ngô Tuyết H, bà Ngô Thị T, bà Ngô Oanh O, ông Ngô Thiếu Đ1, ông Ngô Thiếu B, ông Ngô Thiếu S, ông Ngô Thiếu Kh, ông Ngô Thiếu H chết 16-8-2007 có 01 người con tên Ngô Trần Vĩnh L, bà Ngô Tuyết Tr. Hai cụ không có con nuôi, không có con riêng.

Trước đây cụ Ch có phần đất diện tích 1.028,50 m² tại khu phố Th, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh, trên đất có căn nhà cấp 04. Sau đó cụ Ch và cụ H chia cho 08 người con tổng cộng diện tích 577,30 m²; còn lại căn nhà và diện tích đất 451,20 m² do cụ Ch và con trai út là Ngô Thiếu H tiếp tục quản lý sử dụng. Bà chung sống với ông H tại phần đất này từ năm 1984 đến năm 2008 và có 01 con chung là Ngô Trần Vĩnh L sinh năm 1987. Ngày 24-12-2006, vợ chồng bà được cụ Ch cho xây dựng căn quán diện tích đất ngang 4,5 m X dài 26 m để bán cà phê, nhưng chưa sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 30-10-2008, anh rể của ông H là ông Phạm Văn Đ buộc bà phải rời khỏi nhà, sau đó ông Đ cùng ông Kh phá dỡ quán cà phê.

Bà yêu cầu những người thừa kế của cụ Ch, cụ H trả cho bà phần diện tích đất ngang 4,5 m x dài 26 m có ranh giáp đất ông Kh tại Ô2/20, khu phố Th, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh vì phần diện tích đất này cụ Ch đã cho bà và ông H.

Yêu cầu những người thừa kế của cụ Ch và cụ H chia phần đất diện tích 9,8 m X 27 m đất còn lại và căn nhà trên đất thành 10 phần, bà và Ngô Trần Vĩnh L được hưởng 01 phần; bà yêu cầu hưởng thêm 01 phần gọi là tính công sức làm dâu gia đình cụ Ch 23 năm; Còn lại 08 phần chia cho 08 người con của cụ Ch, cụ H.

Ông Đ và ông Kh phải bồi thường cho bà 1.100.000.000 đồng bao gồm: 50.000.000 đồng thiệt hại do dỡ bỏ quán, các vật dùng gồm quầy pha chế dài 01 m làm bằng cây trai, 01 tủ kiếng ngang 1,2 m X 1,1 m, 01 truyền hình hiệu Darling 36 inch, đầu máy, âm ly, 40 ly có tay cầm, 40 tách, 20 đĩa nhỏ, 40 phin pha chế loại dày, 02 kệ đựng ly loại lớn bằng nhựa, 02 thùng nhựa đựng nước đá, 04 thau rửa ly, 02 xô nhựa; 100.000.000 đồng bà để trong tủ ngày 30-10-2008 ông Kh và ông Đ đuổi bà đi nên bà không thể về lấy; thu nhập bị mất từ việc kinh doanh tạm tính từ ngày 30-10-2008 đến ngày 07-01-2016 là 950.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của bà D thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế ngày 19-6-2012, được công chứng chứng thực tại Phòng Công chứng ĐN ngày 29-6-2012, và hủy các văn bản cá biệt là các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01427(CN) ngày 29-8-2012 do UBND huyện G cấp cho ông Ngô Thiếu S; giấy CNQSD đất số CH01530(CN) ngày 29-10-2012 do UBND huyện G cấp cho anh Khuru Gia Ng và chị Trần Lê Thanh T; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01583(CN) ngày 30-11-2012 do ủy ban nhân dân huyện G cấp cho anh Khuru Gia Ng và chị Trần Lê Thanh T.

Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ch, yêu cầu tính công sức làm dâu của bà D cho cụ Ch 23 năm, yêu cầu đòi lại tài sản bị chiếm dụng là quán bán cà phê. Nếu không trả được căn quán thì trả lại bằng tiền 40.000.000 đồng. Bà D thống nhất với diện tích đất là 324,1 m² và giá trị đất theo biên bản định giá tài sản ngày 14-12-2017 là 7.404.064.000 đồng; giá trị nhà là 68.656.000 đồng theo biên bản định giá ngày 30-3-2011.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện:

+ Đòi lại quyền sử dụng đất diện tích ngang 4,5 m x dài 26 m có ranh giáp

đất ông Kh tại Ô2/20, khu phố Th, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

+ Rút lại toàn bộ yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại: Ông Đ và ông Kh phải bồi thường cho bà bao gồm: 50.000.000 đồng thiệt hại các vật dùng gồm quầy pha chế dài 01 m làm bằng cây trai, 01 tủ kiềng ngang 1,2 m X 1,1 m, 01 truyền hình hiệu Darling 36 inch, đầu máy, âm ly, 40 ly có tay cầm, 40 tách, 20 đĩa nhỏ, 40 phin pha chế loại dày, 02 kệ đựng ly loại lớn bằng nhựa, 02 thùng nhựa đựng nước đá, 04 thau rửa ly, 02 xô nhựa; 100.000.000 đồng bà để trong tủ ngày 30-10-2008 ông Kh và ông Đ đuổi bà đi nên bà không thể về lấy; thu nhập bị mất từ việc kinh doanh tạm tính từ ngày 30-10-2008 đến ngày 07-01-2016 là 950.000.000 đồng.

Anh Ngô Trần Vĩnh L trình bày: Phần tài sản cụ Ch, cụ H để lại đã được chia thừa kế năm 2012 tại Phòng Công chứng ở Tr và có lập văn bản thỏa thuận chia thừa kế. Theo thỏa thuận anh nhận của ông Ngô Thiếu S 450.000.000 đồng. Căn quán được xây dựng có kết cấu: Nhà mái lá dừa, nền xi măng, cột xi măng, không có vách; kinh doanh từ năm 2007 đến năm 2008 thì ngừng kinh doanh. Năm 2012 nhà quán cà phê đã dỡ bỏ khi anh nhận được tiền phân thừa kế mà ông H được hưởng. Bà D không có kinh doanh quán cà phê, nhà quán do bà D cho tiền anh xây dựng nhưng là của anh. Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D về bồi thường thiệt hại.

Ngày 28-3-2016 anh xin thay đổi lời khai: nhà quán là của bà D, thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà D, số tiền 450.000.000 đồng nhận của ông S là không tương xứng với giá trị phần tài sản ông H được hưởng. Ngày 08-01-2016 anh ủy quyền cho bà D. Ngày 26-6-2018 anh L ủy quyền cho ông Vũ Văn Đức

Ông Ngô Thiếu S trình bày: Cha ông là Cụ Ngô Văn Ch (chết năm 2007), mẹ cụ Vân Tuyết H (chết năm 1956). Cụ Ch và cụ H có 09 người con: bà Ngô Tuyết H, bà Ngô Thị T, bà Ngô Oanh O, ông Ngô Thiếu Đ1, ông Ngô Thiếu B, ông Ngô Thiếu S, ông Ngô Thiếu Kh, ông Ngô Thiếu H chết 16-8-2007 có 01 người con tên Ngô Trần Vĩnh L, bà Ngô Tuyết Tr (chết năm 2017) có 06 người con chị Lê Thị Ngọc B1, chị Lê Ngọc M, anh Lê Quyết T (chết năm 2002) có con là chị Lê Ngọc Ng, chị Huỳnh Thị Thu Tr1, chị Huỳnh Thị Thu Tr2, anh Huỳnh Văn T1 bị nhiễm chất độc màu da cam. Cha mẹ ông không có con nuôi, không có con riêng. Ông bà nội ông bà ngoại của ông chết trước cha mẹ ông. Cha mẹ ông chết để lại diện tích đất tranh chấp thực tế sử dụng là 324,1m². Trên đất có căn nhà tường cấp 4B. Cha mẹ ông chết không để lại di chúc.

Ông không đồng ý các yêu cầu khởi kiện của bà D và anh L. Vì năm 2009 anh L khởi kiện yêu cầu chia di thừa kế của cụ Ch để lại đối với diện tích 451,2 m² tại khu phố Th, thị trấn G, tỉnh Tây Ninh. Theo biên bản định giá ngày 30-3-2011 thì giá trị đất của cụ Ch để lại 3.500.000.000 đồng, giá trị nhà cấp 4B trị giá 68.656.000 đồng. Ngày 19-6-2012 các đồng thừa kế của cụ Ch làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có công chứng chứng thực tại Văn phòng công chứng ĐN giao tài sản cụ Ch cho ông. Ngày 20-6-2012 anh L đã nhận 450.000.000 đồng là phần ông Ngô Thiếu H được hưởng của cụ Ngô Văn Ch. Nên di sản của cụ Ch đã chia cho ông H xong, ông không đồng ý theo yêu cầu của bà D và anh L.

Sau khi làm văn bản thỏa thuận về di sản của cụ Ch, ông làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông đứng tên và được ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01427(CN) ngày 29-8-2012. Ngày 20-10-2012 ông làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần đất diện tích 86,9 m² thửa 186 tờ bản đồ 27 tại Ô2, khu phố Th, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh cho chị T và anh Ng; ngày 24-11-2012 ông tiếp tục làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần đất diện tích 282,5 m² thửa 186 tờ bản đồ 27 tại Ô2, khu phố Th, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh lại cho chị T và anh Ng. Nhà đất của cụ Ch tạo lập trước khi ông H chưa chung sống với bà D.

Bà D không sống chung với cụ Ch nên yêu cầu tính công sức làm dâu là không đúng, ông không đồng ý.

Đối với yêu cầu đòi lại tài sản của bà D quán bán cà phê ông không đồng ý vì quán để lâu mục hư hỏng.

Ông Ngô Thiếu Kh trình bày: Ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Ngô Thiếu sơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia phần di sản thừa kế của cụ Ch, đòi tài sản và công sức làm dâu của bà D với đối với cụ Ch thì ông không đồng ý. Vì di sản của cụ Ch đã được các đồng thừa kế của cụ Ch chia cho ông H được hưởng là 450.000.000 đồng. Anh L đã nhận năm 2012. Phần tài sản bà D đòi ông không chiếm giữ hay quản lý nên không đồng ý theo yêu cầu của bà D.

Đối với yêu cầu công sức làm dâu của bà D thì bà D không chăm sóc nuôi dưỡng cụ Ch nên ông không đồng ý theo yêu cầu bà D.

Chị Phạm Ngô Hoàng Y người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ trình bày:

Quán cà phê bà D yêu cầu chị không biết ai là người xây dựng nhưng do anh L đứng bán cà phê. Sau khi cụ Ch, ông H chết anh L bỏ đi không bán nữa. Nhà quán không ai gìn giữ, bảo quản nên hư hỏng. Nên chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D, anh L về yêu cầu ông Kh, ông Đ phải trả tài sản là căn quán, nếu không trả được tài sản thì trả bằng tiền là 40.000.000 đồng.

Ngoài ra năm 2004 chị có nhận chuyển nhượng phần đất ngang 06 m x 22 m giá 12.000.000 đồng. Phần đất này là nhận chuyển nhượng từ ông H nhưng do cụ Ch chưa tách sổ cho ông H nên cụ Ch đứng tên chuyển nhượng. Có các biên nhận và giấy bán đất ngày 28-4-2004 có chữ ký của ông H.

Lời khai của bà Ngô Tuyết H và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà H:

Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Ngô Thiếu S.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia phần di sản thừa kế của cụ Ch, đòi tài sản và công sức làm dâu của bà D đối với cụ Ch thì bà không đồng ý. Vì di sản của cụ Ch đã được các đồng thừa kế của cụ Ch đã thỏa thuận xong và đã chia phần cho ông H hưởng là 450.000.000 đồng. Anh L đã nhận năm

2012.

Đối với yêu cầu công sức làm dâu của bà D thì bà D không chăm sóc nuôi dưỡng cụ Ch nên bà không đồng ý theo yêu cầu bà D.

Người chăm sóc cụ Ch là bà Ngô Oanh O, còn tiền lo cho cụ Ch là tiền của ông Đ1 và ông B ở Mỹ gửi về.

Bà thống nhất biên bản thỏa thuận chia di sản của cụ Ch ngày 19- 6-2012. Lời khai của bà Ngô Thị T và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà T:

Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Ngô Thiếu S.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia phần di sản thừa kế của cụ Ch, đòi tài sản và công sức làm dâu của bà D đối với cụ Ch thì bà không đồng ý. Vì di sản của cụ Ch đã được các đồng thừa kế của cụ Ch đã thỏa thuận xong và đã chia phần cho ông H hưởng là 450.000.000 đồng. Anh L đã nhận năm 2012.

Đối với yêu cầu công sức làm dâu của bà D thì bà D không chăm sóc nuôi dưỡng cụ Ch nên bà không đồng ý theo yêu cầu bà D. Người chăm sóc cụ Ch là bà Ngô Oanh O. Nguồn tiền lo cho cụ Ch là tiền do ông B và ông Đ1 ở Mỹ gửi về.

Bà thống nhất biên bản thỏa thuận chia di sản của cụ Ch ngày 19- 6-2012.

Lời khai của bà Ngô Oanh O lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà O:

Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Ngô Thiếu S.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia phần di sản thừa kế của cụ Ch, đòi tài sản và công sức làm dâu của bà D đối với cụ Ch và yêu cầu của anh L thì bà không đồng ý. Vì di sản của cụ Ch đã được các đồng thừa kế của cụ Ch đã thỏa thuận xong và đã chia phần cho ông H hưởng là 450.000.000 đồng. Anh L đã nhận năm 2012.

Đối với yêu cầu công sức làm dâu của bà D thì bà D không chăm sóc nuôi dưỡng cụ Ch nên bà không đồng ý theo yêu cầu bà D.

Người chăm sóc cụ Ch là bà, vì bà là người sống gần nhà cụ Ch nên chăm sóc cụ Ch, cơm hàng ngày bà nấu. Nguồn tiền lo cho cụ Ch là của ông Ngô Thiếu Đ1 và Ngô Thiếu B gửi từ Mỹ về lo cho cụ Ch.

Bà thống nhất biên bản thỏa thuận chia di sản của cụ Ch ngày 19- 6-2012.

Ông Ngô Thiếu Đ1, ông Ngô Thiếu B được Tòa án thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt hợp lệ thông qua cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ nhưng ông B, ông Đ1 vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Chị Trần Lê Thanh T trình bày. Vợ chồng chị không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ch để lại. Ngày 24-11-2012 vợ chồng chị đã nhận chuyển nhượng lại từ ông Ngô Thiếu S với diện tích 369,4 m² đất tọa lạc tại khu phố Th, thị trấn G, tỉnh Tây Ninh với giá đất 2.500.000.000 đồng, giá nhà

500.000.000 đồng. Phần đất diện tích ngang trước 10,65 m, ngang sau 14,5 m dài 21,58 m. Trên đất có căn nhà tường mái ngói, nền gạch đã hư hỏng. Năm 2013 chị sửa chữa, xây dựng thêm phía sau, nhà vệ sinh chi phí hết 250.000.000 đồng. Chị nhận chuyển nhượng của ông S là hợp pháp nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D.

Lời khai của chị Lê Ngọc B ngày 25-12-2017:

Chị là con của bà Ngô Tuyết Tr chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D và anh L. Chị đồng ý với văn bản thỏa thuận phân chia tài sản của các anh chị em của mẹ chị. Chị không đồng ý chia di sản thừa kế của cụ Ch và cụ H.

Lời khai của chị Lê Ngọc M ngày 29-12-2017:

Chị là con của bà Ngô Tuyết Tr chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D và anh L. Chị đồng ý với văn bản thỏa thuận phân chia tài sản của các anh chị em của mẹ chị. Chị không đồng ý chia di sản thừa kế của cụ Ch và cụ H.

Lời khai của Lê Ngọc Ng ngày 25-12-2017:

Chị là con của ông Lê Quyết T đã (chết năm 2002) là cháu nội của bà Ngô Tuyết Tr, chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D và anh L. Chị đồng ý với văn bản thỏa thuận phân chia tài sản của các anh chị em của bà Tr. Chị không đồng ý chia di sản thừa kế của cụ Ch và cụ H.

Lời khai của chị Nguyễn Thị B1 ngày 25-12-2017:

Chị là vợ của anh Lê Quyết T là con dâu của bà Tr, chị và anh T có một người con chung là Lê Ngọc Ng chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D và anh L. Chị đồng ý với văn bản thỏa thuận phân chia tài sản của các anh chị em của mẹ chị. Chị không đồng ý chia di sản thừa kế của cụ Ch và cụ H.

Ông Huỳnh Văn L người giám hộ của anh Huỳnh Văn T ngày 26-12-2017: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D, anh L. Thống nhất với văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của các anh chị em bà Tr.

Lời khai của chị Huỳnh Thị Thu Tr2 ngày 24-01-2018:

Chị là con ruột của bà Ngô Tuyết Tr, chị không đồng ý với yêu cầu của bà D. Chị đồng ý với văn bản thỏa thuận chia tài sản thừa kế của các anh chị của mẹ chị. Chị không yêu cầu chia thừa kế của cụ Ch, cụ H.

Lời khai của chị Huỳnh Thị Thu Tr1 ngày 24-01-2018: Chị là con ruột của bà Ngô Tuyết Tr, chị không đồng ý với yêu cầu của bà D. Chị đồng ý với văn bản thỏa thuận chia tài sản thừa kế của các anh chị của mẹ chị. Chị không yêu cầu chia thừa kế của cụ Ch, cụ H.

Vụ án phát sinh địa phương và tòa án hòa giải không thành nên đưa ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 05/7/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Áp dụng Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 228;

khoản 5, Điều 477; điểm c, điểm e, điểm g khoản 1 Điều 217; Điểm a khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 588; điểm d khoản 1 Điều 688; Khoản 2 Điều 149; Khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015; Điều 645; Điều 676 Bộ luật dân sự 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của anh Ngô Trần Vĩnh L đối với ông Ngô Thiếu S và ông Ngô Thiếu Kh.

2/. Không chấp nhận yêu cầu đòi tài sản và yêu cầu công sức làm dâu của bà Trần Thị Ngọc D đối với ông Ngô Thiếu S và ông Ngô Thiếu Kh và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn Đ là bà Ngô Thị T, anh Phạm Ngô Hoàng Ph, anh Phạm Ngô Hoàng C, chị Phạm Ngô Hồng S, anh Phạm Ngô Hoàng C1, chị Phạm Ngô Hoàng M, chị Phạm Ngô Hồng S, chị Phạm Ngô Hoàng Y.

3/. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Trần Thị Ngọc D đối với di sản của cụ Ngô Văn Ch.

4/. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc D đòi phần đất diện tích đất ngang 4,5m x 26m và yêu cầu bồi thường 1.100.000.000 đồng đối với ông Ngô Thiếu Kh và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn Đ là bà Ngô Thị T, anh Phạm Ngô Hoàng Ph, anh Phạm Ngô Hoàng C, chị Phạm Ngô Hồng S, anh Phạm Ngô Hoàng C1, chị Phạm Ngô Hoàng M, chị Phạm Ngô Hoàng S, chị Phạm Ngô Hoàng Y.

5. Chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Ngọc D, anh Ngô Trần Vĩnh L phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ghi nhận bà D đã nộp chi xong.

Bà Trần Thị Ngọc D phải chịu 2.910.000 đồng (Hai triệu chín trăm mười nghìn đồng) chi phí dịch tài liệu, văn bản ủy thác tư pháp, 190 USD (Một trăm chín mươi đô la) gửi vào Ngân hàng Wells Fargo Bank và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Ủy thác tư pháp theo biên lai thu số 0018737 ngày 11-4-2016; số 0019392, số 0019391 ngày 04-4-2017. Ghi nhận bà D đã nộp xong các khoản chi phí trên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 bà Trần Thị Ngọc D và ông Ngô Trần Vĩnh L làm chung đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà D và người đại diện theo ủy quyền đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong hạn luật định, bà Trần Thị Ngọc D và ông Ngô Trần Vĩnh L có đơn kháng cáo nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt.

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 25-11-2015 bà Trần Thị Ngọc D, anh Ngô Trần Vĩnh L có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, bồi thường thiệt hại về tài sản, trả lại quyền sử dụng đất. Việc khởi kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do ông Ngô Thiếu B, ông Ngô Thiếu Đ1 ở nước ngoài, theo quy định tại Điều 26, Khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn kiện của bà D, ông L xác định quan hệ tranh chấp là *“Tranh chấp về thừa kế tài sản, đòi tài sản, yêu cầu xem xét công sức làm dâu”* là đúng pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Cụ Vân Tuyết H chết năm 1956, cụ Ngô Văn Ch (chết ngày 07-7-2007). Thời điểm mở thừa kế của cụ H năm 1956; Thời điểm mở thừa kế của cụ Ch năm 2007. Ngày 17-12-2015 anh L bà D nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ch để lại. Căn cứ theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự 2005 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu chia di sản thừa kế là 10 năm và Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu để yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bất động sản là 30 năm, do đó yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ch còn thời hiệu.

[3] Di sản thừa kế: Di sản cụ Ch để lại: Bà D và các thừa kế của cụ Ch xác định theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 14-12-2017 diện tích thực tế sử dụng là 324,1 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp là 324,1 m² thuộc thửa 186, 257 tờ bản đồ 27, tọa lạc tại Ô2, khu phố Th, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất cụ Ch chết không để lại di chúc nên di sản của cụ Ch chết để lại được chia cho các đồng thừa kế theo quy định tại Điều 674 và Điều 675, Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 649, Điều 650 dân sự năm 2015.

[4] Diện và hàng thừa kế của cụ H và cụ Ch: Theo quy định tại khoản 1, Điều 676 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngô Văn Ch gồm Bà Ngô Tuyết H, bà Ngô Thị T, bà Ngô Oanh O, ông Ngô Thiếu Đ1, ông Ngô Thiếu B, ông Ngô Thiếu S, ông Ngô Thiếu Kh, ông Ngô Thiếu H, bà Ngô Tuyết Tr.

Ông Ngô Thiếu H chết ngày 16-8-2007 có 01 người con tên Ngô Trần Vĩnh L. Do ông H chết sau cụ Ch nên con ông H là anh L được hưởng 01 phần thừa kế di sản của cụ Ch để lại cho ông H.

Bà Ngô Tuyết Tr chết ngày 17-02-2017 có con là Lê Ngọc M; Lê Ngọc B; Lê Quyết T chết năm 2002 có 01 người con là Lê Ngọc Ng; Huỳnh Thị Thu Tr1, Huỳnh Thị Thu Tr2, Huỳnh Văn T1. Do bà Tr chết sau cụ Ch nên các con và cháu của bà Tr được hưởng 01 phần thừa kế di sản của cụ Ch để lại cho bà Tr.

Xét nội dung đơn kháng cáo và khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc D và ông Ngô Trần Vĩnh L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2015 (BL13,14) bà D, ông L yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết cho ông bà những vấn đề sau:

- Yêu cầu được chia di sản thừa kế các tài sản trên theo quy định của pháp luật – để tôi và con tôi được hưởng phần thừa kế của chồng tôi là Ngô Thiệu H .

- Phần tài sản của cha mẹ chồng để lại 451,2 m² đất, trên có 01 ngôi nhà tường cấp 4 và 01 quán cà phê

Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm (BL 548, 549..) ông Vũ Văn Đ đại diện ủy quyền của bà D, anh L cũng có yêu cầu “ Yêu cầu chia phần đất có diện tích 324,1 m² và một căn nhà cấp 4 trên đất thành 10 kỷ phần, bà D và anh L được hưởng 01 phần của ông H, bà D được hưởng 01 phần công sức làm dâu 23 năm”. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà D yêu cầu chia di sản của cụ Ch nên không có quyền khởi kiện và đình chỉ yêu cầu này. Trong khi xác định:

“Xét về quan hệ giữa bà D với ông H: Thấy rằng bà D chung sống với ông H, không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống với ông H bà D đã có chồng và có 02 người con nhưng đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 12/CN-TL ngày 18-7-1985. Bà D chung sống với ông H sinh anh Ngô Trần Vĩnh L sinh ngày 27-5-1987. Do đó hôn nhân giữa bà D và ông H là hôn nhân thực tế. Ông Ngô Thiệu H chết sau cụ Ch nên ông H được hưởng phần di sản của cụ Ch. Ông Ngô Thiệu H chết, trong trường hợp không để lại di chúc cho bà D thì bà D cũng được hưởng thừa kế phần tài sản ông H”.

Khi lập văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế ngày 19/6/2012 tại Văn phòng công chứng ĐN, bà D không có mặt cũng không ủy quyền cho Ngô Trần Vĩnh L. Xác định ông Ngô Trần Vĩnh L là người thừa kế thế vị của ông Ngô Thiệu H là không đúng (ông H chết trước ông Ch nên anh L và bà D là hàng thừa kế thứ nhất của ông H) nên đã loại bỏ quyền thừa kế của bà D đối với kỷ phần của ông H. Văn bản công chứng này không bảo đảm thời hạn niêm yết theo Điều 49 Luật Công chứng năm 2006 và Khoản 3 Điều 52 Nghị định 75/200/NĐ –CP ngày 8/12/2000 của Chính phủ. Do vậy, khi bà D có yêu cầu chia phần di sản mà ông H được hưởng từ ông Ch, cấp sơ thẩm phải xem xét đến tính hợp pháp của văn bản công chứng nêu trên mới đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của bà D.

Án sơ thẩm xác định “Anh L, bà D là đồng thừa kế phần tài sản ông H được hưởng, ông L nhận 450.000.000 đồng có làm biên nhận. Do đó, bà D có quyền yêu cầu ông L chia thừa kế di sản của ông H số tiền này” là không phù hợp quy định của pháp luật.

Bởi bà D không ủy quyền cho ông L. Trong trường hợp ông L nhận dư

phần thừa kế của bản thân thì phải trả lại ông Ngô Thiếu S. Cấp sơ thẩm cũng không làm rõ ông H có để lại di chúc hay không? Trường hợp không có di chúc thì bà D và ông L mỗi người mới được hưởng $\frac{1}{2}$ phần di sản mà ông H được chia từ cụ Ch. Ông T chết trước bà Tr nên vợ ông T không được thừa kế phần thừa kế của ông T từ bà Tr, mà con ông T là thừa kế thế vị.

Tại cấp phúc thẩm, Bà D nộp bản phô tô biên bản Hòa giải tranh chấp đất đai lập ngày 30/10/2008 tại UBND thị trấn G, tỉnh Tây Ninh, Ông Ngô Thiếu Kh trình bày: Phần còn lại này là trước đây là cha tôi có tạm cho Ngô Thiếu H cất quán cà phê, diện tích ngang 4,5 mét, dài 26 mét, quán cà phê kết cấu như thế nào? Ai là người tháo dỡ, trách nhiệm bồi thường. Vấn đề này chưa được cấp sơ thẩm làm rõ.

Với những thiếu sót trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không khắc phục được nên hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên

Áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc D và ông Ngô Trần Vĩnh L. Hủy bản án sơ thẩm số 04/2018/DS –ST ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm không ai phải nộp.

Bà Trần Thị Ngọc D được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0000618 ngày 12/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ông Ngô Trần Vĩnh L được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0000619 ngày 12/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (do bà D nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Yên

Mai Thị Tú Oanh

Phạm Trí Tuấn